TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2020/KDTM-ST
Ngày: 14/7/2020.
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Vân**.**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Lợi.
Ông Nguyễn Văn Đức.

- Thư ký phiên toà: Ông Thịnh Quang Trung – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Đông Anh, Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Đỗ Lê Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 108/2019/TLST-KDTM ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc *Tranh chấp hợp đồng tín dụng* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXX-ST ngày 18 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2020/QĐ-HPT ngày 30/6/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP ĐTVPT Việt Nam (BIDV).

Địa chỉ: Số 35 Hàng V, phường LTT, quận HK, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T1 – Giám đốc Chi nhánh Đông Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Cảnh M và ông Nguyễn Thanh T2.

2. Bị đơn:

2.1. Anh Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1990.

2.2. Chị Chu Thị Thanh H, sinh năm 1992.

Đều trú tại: Thôn ĐT, xã DT, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

3.Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đỗ Thị T3, sinh năm 1953 (Mẹ anh Ngọc A).

3.2. Chị Nguyễn Thị M1, sinh năm 1987 (Chị gái anh Ngọc A).

3.3. Cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh năm 2011 (Con anh Ngọc A và chị Chu Thị Thanh H).

3.4. Cháu Nguyễn Quỳnh T4, sinh năm 2013 (Con anh Ngọc A và chị Chu Thị Thanh H).

3.5. Cháu Nguyễn Đức S, sinh năm 2015 (Con anh Ngọc A và chị Chu Thị Thanh H).

Cùng trú tại: Thôn ĐT, xã DT, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội.

3.6. Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1980 (Chị gái anh Ngọc A).

Trú tại: Thôn LH, xã YT, huyện GL, thành phố Hà Nội.

3.7. Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1983 (Chị gái anh Ngọc A).

Trú tại: Thôn TU, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị T3, chị Nguyễn Thị M1, chị Nguyễn Thị O, chị Nguyễn Thị K là anh Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1990. Trú tại: Thôn ĐT, xã DT, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Quỳnh N, Nguyễn Quỳnh T4, Nguyễn Đức S là anh Nguyễn Ngọc A và chị Chu Thị Thanh H.

Có mặt: Ông T2, anh Ngọc A.

Vắng mặt: Chị Chu Thị Thanh H (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/8/2019 và các bản tự khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày:***

Ngày 13/12/2011, Ngân hàng TMCP ĐTVPT Việt Nam – Chi nhánh Đông Hà Nội giải ngân vốn vay cho anh Nguyễn Ngọc A và chị Chu Thị Thanh H theo hợp đồng tín dụng số 11.4509728.01.03/01 ký ngày 13/12/2011 với nội dung chính như sau:

- Số tiền giải ngân cho vay là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).
- Hình thức giải ngân: Giải ngân 01 lần bằng chuyển khoản.
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua gỗ.
- Thời hạn vay: 08 tháng từ ngày 13/12/2011 đến ngày 13/08/2012.
- Lãi suất vay tại thời điểm vay là 17,0%/năm, lãi suất các tháng sau áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm trong suốt thời gian vay, theo thông báo của BIDV Đông Hà Nội. Trong trường hợp lãi suất kỳ điều chỉnh tiếp theo không thay đổi so với kỳ gần nhất thì lãi suất của kỳ gần nhất tiếp tục còn hiệu lực cho kỳ tiếp theo và Ngân hàng không phải làm thông báo cho khách hàng. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là**:** Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 4, tờ bản đồ số 3 của Hộ gia đình bà Đỗ Thị T3 tại thôn ĐT, xã DT, huyện ĐA, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 236884 *(Số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất: 4469.QSDĐ)* do Uỷ ban nhân dân huyện Đông Anh, Hà Nội cấp ngày 12/5/2003.

Trong quá trình vay vốn tại BIDV Đông Hà Nội, anh A và chị H chỉ thanh toán được lãi đến hết kỳ tháng 04/2012, khoản vay bắt đầu quá hạn lãi từ tháng 5/2012. Từ đó đến nay, anh A và chị H mới thanh toán được cho BIDV Đông Hà Nội số tiền là 31.366.667 đồng, gồm 200.000 đồng nợ gốc và 31.166.667 đồng nợ lãi.

Dư nợ của anh Nguyễn Ngọc A và chị Chu Thị Thanh H tại BIDV Đông Hà Nội tính đến hết ngày 13/7/2020 gồm:

+ Dư nợ gốc: 499.800.000 đồng.

+ Dư nợ lãi trong hạn: 550.470.205 đồng.

+ Dư nợ lãi quá hạn: 262.908.714 đồng.

Tổng cả gốc và lãi là: 1.313.178.919 đồng (Một tỷ, ba trăm mười ba triệu, một trăm bẩy mươi tám nghìn, chín trăm mười chín đồng).

Việc anh Nguyễn Ngọc A và chị Chu Thị Thanh H không trả nợ đã gây ra nhiều khó khăn thiệt hại cho BIDV. Do vậy nay, BIDV có đơn này, kính đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết cho yêu cầu của BIDV như sau:

Buộc anh Nguyễn Ngọc A, chị Chu Thị Thanh H phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP ĐTVPT Việt Nam tổng số tiền còn nợ đến hết ngày 13/7/2020 là**:** 1.313.178.919 đồng (Một tỷ, ba trăm mười ba triệu, một trăm bẩy mươi tám nghìn, chín trăm mười chín đồng) và tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 14/7/2020 đến khi thực tế trả hết nợ với lãi suất quá hạn theo thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng và quy định của Ngân hàng TMCP ĐTVPT Việt Nam.

Nếu anh Nguyễn Ngọc A, chị Chu Thị Thanh H không thực hiện trả nợ ngay cho Ngân hàng TMCP ĐTVPT Việt Nam thì Ngân hàng TMCP ĐTVPT Việt Nam có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án kê biên và phát mại tài sản bảo đảm mà Hộ gia đình bà Đỗ Thị T3 đã thế chấp để anh Nguyễn Ngọc A và chị Chu Thị Thanh H vay vốn tại Ngân hàng để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 4, tờ bản đồ số 3, thôn ĐT, xã DT, huyện ĐA, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 236884 (Số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất: 4469.QSDĐ) do Uỷ ban nhân dân huyện Đông Anh, Hà Nội cấp ngày 12/5/2003.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì anh Nguyễn Ngọc A và chị Chu Thị Thanh H phải tiếp tục chịu trách nhiệm trả số nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP ĐTVPT Việt Nam.

**** Bị đơn anh Nguyễn Ngọc A trình bày:*** Anh nhất trí với ý kiến của người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng TMCP ĐTVPT Việt Nam trình bày về quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng tín dụng giữa vợ chồng anh và Ngân hàng. Anh nhất trí với khoản nợ vợ chồng anh còn nợ Ngân hàng tính đến hết ngày 13/7/2020 là:

+ Dư nợ gốc: 499.800.000 đồng.
+ Dư nợ lãi trong hạn: 550.470.205 đồng.
+ Dư nợ lãi quá hạn: 262.908.714 đồng.

Tổng cả gốc và lãi là: 1.313.178.919 đồng (Một tỷ, ba trăm mười ba triệu, một trăm bẩy mươi tám nghìn, chín trăm mười chín đồng).

Do hoàn cảnh kinh tế gia đình anh hiện nay rất khó khăn nên anh đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng anh được trả Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và lãi là 700.000.000 đồng. Đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ số nợ lãi còn lại cho vợ chồng anh. Phương án trả nợ của vợ chồng anh như sau: Đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng anh trả trước 200.000.000 đồng trừ vào tiền nợ gốc. Số nợ 500.000.000 đồng cho vợ chồng anh trả dần hàng tháng, mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Hiện nay trên tài sản thế chấp mà gia đình anh đang sinh sống gồm các nhân khẩu sau: Bà Đỗ Thị T3, sinh năm 1953, Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1990, Chu Thị Thanh H, sinh năm 1987, cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh năm 2011, cháu Nguyễn Quỳnh T4, sinh năm 2013, cháu Nguyễn Đức S, sinh năm 2015.

Ngoài ra không có ai khác

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Đỗ Thị T3 trình bày: Việc con trai và con dâu bà vay tiền Ngân hàng thì bà có nghe nói nhưng bà không biết số tiền vay là bao nhiêu.Vợ chồng anh Ngọc A đã trả được nợ cho Ngân hàng hay chưa bà cũng không nắm được. Nay ngân hàng khởi kiện bà đề nghị Ngân hàng giãn nợ và miễn giảm lãi cho vợ chồng anh Ngọc A để có thời gian trả nợ dần. Bà không nhất trí xử lý tài sản thế chấp vì hiện nay gia đình bà không có chỗ ở nào khác.

- Chị Nguyễn Thị K, chị Chu Thị Thanh H từ chối cung cấp lời khai.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định đến hết ngày 13/7/2020, vợ chồng anh Ngọc A còn nợ Ngân hàng các khoản tiền gồm:

+ Dư nợ gốc: 499.800.000 đồng.

+ Dư nợ lãi trong hạn: 550.470.205 đồng.

+ Dư nợ lãi quá hạn: 262.908.714 đồng.

Tổng cả gốc và lãi là: 1.313.178.919 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả ngay số tiền nêu trên, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ và yêu cầu bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí, chi phí xem xét thẩm định, thuê công ty chuyên môn đo hồ sơ kỹ thuật thửa đất.

- Bị đơn thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện về thời gian để bị đơn bán đất trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP ĐTVPT Việt Nam.

Về án phí: thuộc trường hợp án phí có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét nhận định:

{1}. Về quan hệ pháp luật là: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

{2}. Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn là chị Chu Thị Thanh H có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và dành quyền kháng cáo cho chị H là phù hợp pháp luật.

{3}. Về nội dung:

{3.1}. Về hợp đồng tín dụng: Các bên đương sự đều thừa nhận giữa Ngân hàng TMCP ĐTVPT Việt Nam, Chi nhánh Đông Hà Nội và anh Nguyễn ngọc A, chị Chu Thị Thanh H có ký kết Hợp đồng tín dụng số: 11.4509728.01.03/01 ngày 13/12/2011 với nội dung chính như sau:

- Số tiền giải ngân cho vay là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).
- Hình thức giải ngân: Giải ngân 01 lần bằng chuyển khoản.
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua gỗ.
- Thời hạn vay: 08 tháng từ ngày 13/12/2011 đến ngày 13/08/2012.
- Lãi suất vay tại thời điểm vay là 17,0%/năm, lãi suất các tháng sau áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm trong suốt thời gian vay, theo thông báo của BIDV Đông Hà Nội. Trong trường

hợp lãi suất kỳ điều chỉnh tiếp theo không thay đổi so với kỳ gần nhất thì lãi suất của kỳ gần nhất tiếp tục còn hiệu lực cho kỳ tiếp theo và Ngân hàng không phải làm thông báo cho khách hàng. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Việc các bên giao kết hợp đồng tín dụng hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Do đó hợp đồng này phù hợp pháp luật.

Tính đến hết ngày 13/7/2020 anh Nguyễn Ngọc A và chị Chu Thị Thanh H còn nợ Ngân hàng TMCP ĐTVPT Việt Nam các khoản tiền gồm:

+ Dư nợ gốc: 499.800.000 đồng.

+ Dư nợ lãi trong hạn: 550.470.205 đồng.

+ Dư nợ lãi quá hạn: 262.908.714 đồng.

Tổng cả gốc và lãi là: 1.313.178.919 đồng (Một tỷ, ba trăm mười ba triệu, một trăm bẩy mươi tám nghìn, chín trăm mười chín đồng).

Như vậy, cần buộc anh Nguyễn Ngọc A và chị Chu Thị Thanh H phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng TMCP ĐTVPT Việt Nam tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến hết ngày 13/7/2020 là 1.313.178.919 đồng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 14/7/2020 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký trên dư nợ gốc thực tế là phù hợp pháp luật.

{3.2}. Về tài sản đảm bảo thì thấy: Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 4, tờ bản đồ số 3, diện tích 179 m^2 tại thôn ĐT, xã DT, huyện ĐA, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 236884, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất: 4469.QSDĐ do Uỷ ban nhân dân huyện Đông Anh, Hà Nội cấp ngày 12/5/2003 mang tên hộ gia đình bà Đỗ Thị T3.

Việc thế chấp tài sản được lập thành Hợp đồng thế chấp bất động sản số công chứng: 1202/TC/2011 ngày 07/12/2011 tại Văn phòng công chứng Đông Anh. Tài sản bảo đảm đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp nêu trên được các bên ký tại Văn phòng công chứng, có đầy đủ chữ ký của Ngân hàng và các bên liên quan. Các chủ thể ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật, tài sản thế chấp được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Như vậy, hợp đồng thế chấp phù hợp pháp luật về cả hình thức và nội dung. Vì vậy, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn phù hợp pháp luật, được chấp nhận.

Hiện đang sinh sống trên nhà, đất thế chấp gồm có: Bà Đỗ Thị T3 sinh năm 1953, anh Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1990, chị Chu Thị Thanh H, sinh năm 1987, cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh năm 2011, cháu Nguyễn Quỳnh T4, sinh năm 2013, cháu Nguyễn Đức S, sinh năm 2015. Ngoài ra không có ai khác.

{4}. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc A và chị Chu Thị Thanh H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung vào ngân sách Nhà nước.

{5} Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều: 275, 280, 293, 299, 320, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, 273, 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Luật Ngân hàng nhà nước năm 2010;

- Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về giao dịch bản đảm ; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính Phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006.

- Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP ĐTVPT Việt Nam đối với anh Nguyễn Ngọc A, chị Chu Thị Thanh H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc anh Nguyễn Ngọc A và chị Chu Thị Thanh H có nghĩa vụ thanh toán trả Ngân hàng TMCP ĐTVPT Việt Nam các khoản tiền tính đến hết ngày 13/7/2020 gồm:

+ Dư nợ gốc: 499.800.000 đồng.

+ Dư nợ lãi trong hạn: 550.470.205 đồng.

+ Dư nợ lãi quá hạn: 262.908.714 đồng.

Tổng cả gốc và lãi là: 1.313.178.919 đồng (Một tỷ, ba trăm mười ba triệu, một trăm bẩy mươi tám nghìn, chín trăm mười chín đồng).

3. Buộc anh Nguyễn Ngọc A và chị Chu Thị Thanh H phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP ĐTVPT Việt Nam từ ngày 14/7/2020 cho đến khi trả hết nợ trên dư nợ gốc thực tế theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 11.4509728.01.03/01 ngày 13/12/2011.

4. Trường hợp anh Nguyễn Ngọc A, chị Chu Thị Thanh H không thanh toán được khoản nợ nêu trên, thì Ngân hàng TMCP ĐTVPT Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 4, tờ bản đồ số 3 tại thôn ĐT, xã DT, huyện ĐA, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 236884, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất: 4469.QSDĐ do Uỷ ban nhân dân huyện Đông Anh, Hà Nội cấp ngày 12/5/2003 mang tên hộ gia đình bà Đỗ Thị T3.

5.Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP ĐTVPT Việt Nam thì anh Nguyễn Ngọc A, chị Chu Thị Thanh H phải tiếp tục chịu trách nhiệm trả số nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP ĐTVPT Việt Nam.

6. *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:* Anh Nguyễn Ngọc A, chị Chu Thị Thanh H phải chịu toàn bộ tiền án phí là 51.395.000 đồng (Năm mươi mốt triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Ngân hàng TMCP ĐTVPT Việt Nam được nhận lại 24.288.000 đồng (Hai mươi tư triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0015062 ngày 26/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thuê công ty chuyên môn đo hồ sơ kỹ thuật thửa đất 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nguyên đơn đã chi, anh Nguyễn Ngọc A và chị Chu Thị Thanh H phải trả Ngân hàng TMCP ĐTVPT Việt Nam số tiền này.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND T.P Hà Nội;*
- *VKSND huyện Đông Anh;*
- *Chi cục THADS Đông Anh;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*

Đỗ Thị Vân